

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG 1**

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

- Tên học phần:** Tiếng Trung 1
- Mã học phần:** TTRUNG 004
- Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ nhất
- Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Không
- Giảng viên**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.815	nguyenhua11180@gmail.com
2.	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan8078@gmail.com
3.	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4.	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần gồm 13 bài học về các chủ điểm: Làm quen, hỏi họ tên, quốc tịch, hỏi địa điểm, xác nhận đồ vật, đổi tiền, mua bán, ăn uống...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

- Ngữ âm: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngữ âm và chữ viết tiếng Trung: cách phát âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán.
- Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi địa điểm, đổi tiền, mua bán, ăn uống...
- Ngữ pháp: Kiến thức ngữ pháp trong mỗi bài từ dễ đến khó: Cách sử dụng các từ 们, 也, 都, 在... cách đọc số tự nhiên và mã số, câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ...

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê từ vựng về các chủ đề: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi quốc tịch, địa điểm, mua bán, ăn uống... - Phân biệt cách sử dụng các cấu trúc ngữ pháp: Câu hỏi với trợ từ “吗”, câu hỏi sử dụng đại từ nghi vấn, câu vị ngữ động từ, vị ngữ hình dung từ, trợ từ “的”, cách dùng của “都”, “也” 	1	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	<ul style="list-style-type: none"> Nói, hội thoại được về các chủ đề giao tiếp quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày - Nghe hiểu các đoạn hội thoại, đọc thoại về các chủ điểm giao tiếp trong đời sống hàng ngày. - Đọc hiểu được các đoạn văn 100-150 chữ về các chủ điểm giao tiếp. - Viết từ mới theo đúng quy tắc viết chữ Hán. - Viết được các đoạn văn 100 - 120 từ về các chủ điểm: giới thiệu bản thân, nhận biết đồ vật, mua bán... 	3	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kiến thức đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai. - Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công. 	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Trình bày được cách đọc phiên âm trong tiếng Trung, quy tắc biến điệu, cách viết phiên âm tiếng Hán .	1	[2.1.2]
CĐR1.2	Trình bày được cách đọc, cách viết các chữ Hán trong học phần.		
CĐR1.3	Trình bày được cách dùng từ, cụm từ, cấu trúc ngữ pháp về chủ đề bài học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi quốc tịch, địa điểm, mua bán, ăn uống...		
CĐR1.4	Giải thích được cách sử dụng các hiện tượng ngữ pháp có trong bài: câu hỏi với trợ từ “吗”, câu hỏi sử dụng đại từ nghi vấn, câu vị ngữ động từ, vị ngữ hình dung từ, trợ từ “的”, tổ từ chữ “的”, cách dùng của “都”, “也”		
CĐR1.5	- Liệt kê từ vựng về các chủ đề: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi quốc tịch, địa điểm, mua bán, ăn uống...		
CĐR1.6	Hỏi - đáp được với các chủ đề hội thoại cơ bản.		
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Đọc được các phiên âm tiếng Trung	3	[2.2.6]
CĐR2.2	Viết được các chữ Hán theo đúng quy tắc thuận bút.		
CĐR2.3	Nghe hiểu các đoạn hội thoại ngắn chủ đề quen thuộc như chào hỏi, là quen, hỏi họ tên, công việc...		
CĐR2.4	Viết được đoạn văn khoảng 100 – 120 chữ với chủ đề đã học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi quốc tịch, địa điểm, mua bán, ăn uống...		
CĐR2.5	Dịch bài khóa, đoạn văn ngắn trong bài.		
CĐR2.6	Giao tiếp đơn giản, nói rõ ràng, phát âm đúng.		
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.		
CĐR3.3	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.4	Có thái độ học tập và làm việc tích cực với nhiệm vụ được phân công		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

TT	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần															
		CDR1						CDR2						CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
1	第一课：你好 Bài 1: Xin chào! 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x					x	x	x				x		x	x
2	第二课：汉语不太难 Bài 2: Tiếng Hán không khó lắm. 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	第三课：明天见 Bài 3: Ngày mai gặp lại! 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

4	第四课：你去哪儿？ Bài 4: Bạn đi đâu? 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
5	第五课：这是王老师 Bài 5: Đây là thầy Vương. 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	第六课：我学习汉语 Bài 6: Tôi học tiếng Hán. 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	第七课：你吃什么？ Bài 7: Bạn ăn gì? 一、课文 二、生词	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

	三、注释 四、练习																
8	第八课: 苹果一斤多少钱 Bài 8: Bao nhiêu tiền một cân táo? 一、课文 二、生词 三、注释 四、语音 五、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	第九课: 这个箱子很重 Bài 9: Cái va li này rất nặng. 一、课文 二、生词 三、注释 四、语音 五、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	第十课: 他住哪儿? Bài 10: Anh ấy sống ở đâu? 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

11	第十一课: 我们都是留学生 Bài 11: Chúng tôi đều là lưu học sinh. 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
12	第十二课: 你在哪儿学习? Bài 12: Bạn học ở đâu? 一、课文 二、生词 四、语法 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập thực hành, bài tập nhóm, bài kiểm tra thường xuyên
CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 90 phút)
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút)

13. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.

14. Tài liệu phục vụ học phần

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] - Dương Ký Châu (2014), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, quyển thượng)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo:

[2] Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch, *汉语会话 301 句*, Nhà xuất bản Khoa học Xã Hội, năm 2009

[3] - Khương Lê Bình (2018), *Giáo trình HSK 1*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	<p>第一课: 你好 Bài 1: Xin chào! Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ mới trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại chào hỏi, hỏi thăm sức khỏe Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习</p>	02 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: +Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: - [1] : Trang 10 - 12 - [2]: Trang 35 - 40 + Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: 五、练习 trang 10 -12</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
2	<p>第二课: 汉语不太难 Bài 2: Tiếng Hán không khó lắm Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ mới trong bài</p>	02 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: +Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Nêu vấn đề, hướng</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1,

	<p>- Đọc và dịch lưu loát bài đọc</p> <p>- Hội thoại hỏi thăm việc học tiếng Hán.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、语音</p> <p>四、注释</p> <p>五、练习</p>		<p>dẫn sinh viên giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 13 - 18</p> <p>+ Lắng nghe, ghi chép và giải quyết các vấn đề.</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]:</p> <p>五、练习 trang 16 - 18</p>	<p>CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>
3	<p>第三课: 明天见</p> <p>Bài 3: Hẹn gặp lại vào ngày mai</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Nắm được cách viết và cách đọc của các từ mới trong bài</p> <p>- Đọc và dịch lưu loát bài đọc</p> <p>- Hội thoại chào tạm biệt</p> <p>- Biết cách đáp lại lời xin lỗi</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>(一) 学汉语</p> <p>(二) 明天见</p> <p>二、生词</p> <p>三、语音</p> <p>四、注释</p> <p>五、练习</p>	02 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết.</p> <p>+ Đưa nội dung hội thoại giao tiếp.</p> <p>+ Giao bài tập cho các nhóm.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: - [1] : Trang 19 - 27 - [2]: Trang 41 - 46</p> <p>+ Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài.</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]:</p> <p>五、练习 trang 24 – 27</p>	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>
4	<p>第四课: 你去哪儿?</p> <p>Bài 4: Bạn đi đâu?</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Nắm được cách viết và</p>	02 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm</p>	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4,</p>

	<p>cách đọc của các từ vựng trong bài</p> <p>- Đọc và dịch lưu loát bài đọc</p> <p>- Hội thoại hỏi ai đó đi đâu đấy</p> <p>- Trình bày các danh từ chỉ địa điểm</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>（一）你去哪儿</p> <p>（二）对不起</p> <p>二、生词</p> <p>三、语音</p> <p>四、注释</p> <p>五、练习</p>		<p>- Giảng viên:</p> <p>+Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết.</p> <p>+ Đưa nội dung hội thoại giao tiếp.</p> <p>+ Giao bài tập cho các nhóm.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 28 - 36</p> <p>+ Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài.</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]:</p> <p>五、练习 trang 33 - 36</p>	<p>CĐR1.5,</p> <p>CĐR1.6,</p> <p>CĐR2.1,</p> <p>CĐR2.2,</p> <p>CĐR2.3,</p> <p>CĐR2.4,</p> <p>CĐR2.5,</p> <p>CĐR2.6,</p> <p>CĐR3.1,</p> <p>CĐR3.2,</p> <p>CĐR3.3,</p> <p>CĐR3.4.</p>
5	<p>第五课: 这是王老师</p> <p>Bài 5: Đây là thầy Vương</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài</p> <p>- Đọc và dịch lưu loát bài đọc</p> <p>- Hội thoại giới thiệu về người khác</p> <p>- Trình bày các từ vựng về chủ đề giới thiệu</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、语音</p> <p>四、注释</p> <p>五、练习</p>	02 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết.</p> <p>+ Đưa nội dung hội thoại giao tiếp.</p> <p>+ Giao bài tập cho các nhóm.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 37 - 45 [2]: Trang 61 - 67</p> <p>+ Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài.</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]:</p> <p>五、练习 trang 41- 44</p>	<p>CĐR1.1,</p> <p>CĐR1.2,</p> <p>CĐR1.3,</p> <p>CĐR1.4,</p> <p>CĐR1.5,</p> <p>CĐR1.6,</p> <p>CĐR2.1,</p> <p>CĐR2.2,</p> <p>CĐR2.3,</p> <p>CĐR2.4,</p> <p>CĐR2.5,</p> <p>CĐR2.6,</p> <p>CĐR3.1,</p> <p>CĐR3.2,</p> <p>CĐR3.3,</p> <p>CĐR3.4.</p>
6	<p>第六课: 我学习汉语</p>	02	<p>Thuyết trình; Tổ chức</p>	<p>CĐR1.1,</p>

	<p>Bài 6: Tôi học tiếng Hán</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại giới thiệu bản thân, giới thiệu họ tên. - Liệt kê một số họ thường gặp ở Trung Quốc và Việt Nam <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>（一）我学习汉语</p> <p>（二）这是什么书？</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、练习</p>	(2LT, 0TH)	<p>cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Đưa nội dung hội thoại giao tiếp. + Giao bài tập cho các nhóm. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 46 - 55 [2]: Đọc trang 54 - 60 + Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: <p>五、练习 trang 51-55</p>	<p>CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>
7	<p>第七课: 你吃什么?</p> <p>Bài 7: Bạn ăn gì?</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại về cách gọi món trong nhà ăn - Trình bày được tên một số món ăn <p>Nội dung cụ thể</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、语音</p> <p>四、注释</p>	02 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Đưa nội dung hội thoại giao tiếp. + Giao bài tập cho các nhóm. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 56 – 62 + Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: 	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>

	五、练习		五、练习 trang 59 - 62	
8	<p>第八课：苹果一斤多少钱</p> <p>Bài 8: Bao nhiêu tiền một cân táo?</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ mới trong bài - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại theo chủ đề mua sắm hoa quả - Trình bày được tên một số loại hoa quả và cách nói giá tiền trong tiếng Trung <p>Nội dung cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习 	04 (2LT, 2KT)	<p>Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Đưa nội dung hội thoại giao tiếp. + Giao bài tập cho các nhóm. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 63 - 69 [2]: Trang 110 - 123 + Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: <p>五、练习 trang 66 - 69</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làm bài kiểm tra. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
9	<p>第九课：这个箱子很重</p> <p>Bài 9: Cái va li này rất nặng</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Biết miêu tả tính chất của một đồ vật. - Trình bày được tên một số đồ vật thông dụng hàng ngày - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại về miêu tả đồ 	02 (2LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Đưa nội dung hội thoại giao tiếp. + Giao bài tập cho các nhóm. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 70 - 75 + Lắng nghe, ghi chép, 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3,

	vật Nội dung cụ thể 一、课文 二、生词 三、注释 四、语音 五、练习		hội thoại, đọc bài. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: 五、练习 trang 73 - 75	CĐR3.4.
10	第十课: 他住哪儿? Bài 10: Anh ấy sống ở đâu? Mục tiêu: - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài - Liệt kê được sáu thành phần câu tiếng Trung - Biết cách sử dụng câu vị ngữ động từ - Trình bày được cách diễn đạt địa chỉ, số điện thoại trong tiếng Trung - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại về nơi ở, hỏi số điện thoại Nội dung cụ thể 一、课文 二、生词 三、语法 (一) 汉语句子的语序 (二) 动词谓语句 (三) 号码的读法 四、语音 五、练习	02 (2LT, 0TH)	Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm - Giảng viên: + Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Đưa nội dung hội thoại giao tiếp. + Giao bài tập cho các nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 76 - 85 [2]: Trang 64 [3]: Trang 100 + Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: 五、练习 trang 82 - 85	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
11	第十一课: 我们都是留学生	04 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại	CĐR1.1, CĐR1.2,

	<p>Bài 11: Chúng tôi đều là lưu học sinh</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát bài đọc - Hội thoại giới thiệu về trường lớp. - Biết cách sử dụng phó từ “也”, “都”, câu hỏi với trợ từ “吗”, vị trí của trạng ngữ trong câu tiếng Trung. - Viết về việc học tiếng Trung của mình. <p>Nội dung cụ thể</p> <p>一、课文</p> <p>（一）这位是王教授</p> <p>（二）我们都是留学生</p> <p>（三）你也是中国人吗？</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>（一）怎么问</p> <p>（1）：……吗？</p> <p>（二）状语</p> <p>（三）副词“也”和“都”</p> <p>五、语音</p> <p>六、练习</p>		<p>đóng vai; Tổ chức học theo nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> +Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết. + Đưa nội dung hội thoại giao tiếp. + Giao bài tập cho các nhóm. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 86 - 97 [2]: Trang 57, 68, 96 [3]: Trang 16, 108 + Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: <p>六、练习 trang 92 – 97</p>	<p>CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>
12	<p>第十二课：你在哪儿学习</p> <p>Bài 12: Bạn học ở đâu?</p> <p>Mục tiêu:</p>	04 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Tổ chức cho sinh viên hội thoại đóng vai; Tổ chức học theo nhóm</p>	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4,</p>

<p>- Nắm được cách viết và cách đọc của các từ vựng trong bài</p> <p>- Đọc và dịch lưu loát bài đọc</p> <p>- Hội thoại về thầy cô, lớp học, ai dạy bạn môn gì...</p> <p>- Biết cách sử dụng trợ từ kết cấu “的”</p> <p>- Biết vận dụng cấu trúc giới từ với từ “在”, “给”</p> <p>Nội dung cụ thể</p> <p>一、 课文</p> <p>（一）你在哪儿学习汉语？</p> <p>（二）你们的老师是谁？</p> <p>二、 生词</p> <p>三、 语法</p> <p>（一）怎么问（2）：疑问代词</p> <p>（二）定语和结构助词“的”</p> <p>（三）介词“在”和“给”</p> <p>四、 语音</p> <p>五、 练习</p>		<p>- Giảng viên:</p> <p>+ Trình bày các quy tắc, cách đọc, cách viết.</p> <p>+ Đưa nội dung hội thoại giao tiếp.</p> <p>+ Giao bài tập cho các nhóm.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 98 - 109 [2]: Trang 78 – 79, 64, 82 [3]: Trang 24, 66 tài liệu</p> <p>+ Lắng nghe, ghi chép, hội thoại, đọc bài.</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]:</p> <p>五、练习 trang 104-109</p>	<p>CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>
---	--	--	--

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Trịnh Thị Chuyên